

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 644/2025/DS-PT
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 975/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Trần Thanh K, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1964; (xin vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1967; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1970; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Đoàn Kim Q, sinh năm 1952; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đại diện theo ủy quyền là ông K trình bày:* Theo giấy mượn tiền ngày 30/3/2022 âm lịch, bà N (tên thường gọi Út N1) và chồng là ông H1 có mượn của bà H một cuốn sổ đỏ đứng tên hộ ông Đoàn Văn L để vay số tiền 190.000.000 đồng với bà L1. Bà H đã trả số tiền trên cho bà L1 thay cho bà H và trả cuốn sổ đỏ cho ông L nhưng bà N1, ông H1 chưa trả lại tiền cho bà H nên bà N1 và ông H1 còn nợ bà H 190.000.000 đồng.

Theo giấy nhận nợ ngày 29/6/2023, bà N1 có mượn bà H 105.000.000 đồng không lãi suất và hứa khi nào có bán đất sẽ trả.

Ngoài ra bà H còn chơi hụi giùm bà N1 3 dây hụi 5.000.000 đồng mà chủ hụi là ông Đào Kim Q1 (chồng bà L1) hụi đã mãn và bà N1 đã nhận tiền hốt hụi 3 lần gồm ngày 15/01/2021 là 53.500.000 đồng, ngày 25/3/2021 nhận 57.500.000 đồng, ngày 20/6/2021 là 57.500.000 đồng. Sau khi tổng kết nợ hụi là 155.000.000 đồng. Bà N1 đã ký nhận còn nợ bà H tên thường gọi là Bảy Xưa tổng số tiền 260.000.000 đồng, biên nhận do chính bà N1 viết.

Bà H thừa nhận bà N1 có trả bà H 15.000.000 đồng nên bà N1 và ông H1 còn nợ bà H tổng cộng 435.000.000 đồng. Do đó bà H yêu cầu bà N1 và ông Hoàng liên Đ trả 435.000.000 đồng cho bà H.

- *Bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:* Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà thừa nhận có viết biên nhận nợ số tiền 190.000.000 đồng với bà H (tên thường gọi là Bảy X) nhưng chữ ký của chồng bà là bà tự ký, chồng bà không biết. Bà H đã căn trừ 190.000.000 đồng vào tiền nợ hụi nên bà không còn nợ bà H số tiền này. Bà chỉ còn nợ bà H số tiền hụi là 155.000.000 đồng. Bà thừa nhận có nợ bà H thêm số tiền 105.000.000 đồng nên bà còn nợ bà H 260.000.000 đồng. Bà đã trả 15.000.000 đồng nên hiện bà chỉ nợ bà H 245.000.000 đồng và đồng ý trả, chồng bà là ông H1 không liên quan nên chỉ mình bà trả số tiền này. Bà đã trên 60 tuổi nên xin được miễn án phí.

- *Bị đơn ông H1 trình bày:* Ông không biết gì hết về việc bà N chơi hụi và không ký tên trong giấy mượn nợ ngày 30/3/2022 (âm lịch). Ông không đồng ý cùng bà N trả nợ. Trước đây ông đồng ý bán đất trả nhưng nay ông không đồng ý vì bà N hiện nợ rất nhiều người giấy đất hiện tại cũng đã được cho người khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L1 trình bày:* Đối với số tiền 190.000.000 đồng trước đây giữa các bên có thỏa thuận là mượn giấy đồ ông L chồng bà H để bà đưa tiền cho bà N vay, lúc đó bà H đưa cho bà bản chính biên nhận có chữ ký của bà N và ông H1 cùng giấy đồ của ông L. Sau đó bà H có lên trả bà số tiền 190.000.000 đồng nên bà đã trả bản chính biên nhận và giấy đồ cho bà H. Nay bà không còn liên quan gì số tiền 190.000.000 đồng, còn giữa bà H và bà N thỏa thuận như thế nào về số tiền trên thì bà không biết và bà không có yêu cầu hay tranh chấp về số tiền này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Kim Q trình bày:* Giữa ông và bà N không có liên quan gì đối với số tiền bà H yêu cầu bà N trả, thực tế hụi mà bà H trình bày đã mất, việc bà H chơi dùm bà N và bà H yêu cầu bà N trả tiền thì giữa hai bên thỏa thuận, ông không yêu cầu gì đối với bà N và không liên quan số tiền yêu cầu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L trình bày:*

Ông đã nhận lại một cuốn sổ đỏ đứng tên hộ ông Đoàn Văn L đưa cho chị L1 cầm giữ để vay số tiền 190.000.000 đồng. Việc bà H khởi kiện đòi bà N, ông H1 số tiền 435.000.000 đồng, ông không có ý kiến gì.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 153/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ T hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Huỳnh Thị N trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay và hụi là 435.000.000 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc ông Hoàng liên Đ bà N trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/4/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 153/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không đồng ý trả 190.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả 245.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ y yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 153/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ hui, nợ vay tổng cộng 435.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 15/4/2025 Tòa án nhân dân huyện C xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 24/4/2025, bà Huỳnh Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Số nợ mà các đương sự tranh chấp trong vụ án gồm: số nợ theo giấy nhận nợ ngày 29/6/2023 là 105.000.000 đồng, tiền nợ hui 03 đây là 140.000.000 đồng và 190.000.000 đồng là khoản nợ mà bà N mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L (chồng bà H) thế chấp vay của bà L1, hiện bà H đã trả xong cho bà L1 nhưng bà N chưa hoàn trả lại.

Xét thấy, về số nợ 245.000.000 đồng phía bà N đã thừa nhận, cấp sơ thẩm buộc trả là có căn cứ, bà N và chồng là ông H1 không kháng cáo về nội dung này nên không cần xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K là đại diện ủy quyền của bà H khẳng định số tiền 190.000.000 đồng là khoản nợ do bà N vay của bà L1. Giữa bà H, bà N, bà L1, ông L không có bất cứ cam kết, thỏa thuận hay ủy quyền để bà H trả nợ thay cho bà N nên bà H không có quyền khởi kiện đối với phần nợ này, việc bà H kiện đòi vợ chồng bà N trả số nợ này là chưa thỏa đáng, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là chưa có căn cứ vững chắc, chưa phù hợp với quy định tại

Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Hội đồng xét xử giải thích ông K vẫn nguyên yêu cầu khởi kiện. Như đã phân tích trên, phần nợ này bà H không có quyền khởi kiện đối với bà N, nếu có thiết thời bà có quyền khởi kiện bà L1 để thu hồi lại phần nợ này. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà N là người cao tuổi nên bà không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị N;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 153/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp).

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ T hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Huỳnh Thị N trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay và hụi tổng cộng là 245.000.000 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc bà N trả thêm số tiền 190.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc ông Hoàng liên Đ với bà N trả nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền

lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà H phải chịu 9.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà H đã nộp 11.250.000 đồng theo biên lai thu số 0008183 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 1.450.000 đồng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 29/8/2025, có mặt ông K, bà N. Vắng mặt đại diện Viện Kiểm sát./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực C – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng